

BIỂU ĐỀ XUẤT TÌM HỢP
Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025



KOM ĐÔNG CHUỐI

Thiệt hại trên 70% diện tích Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Cây hàng năm khác				Diện tích lúa		Cây hàng năm khác				Thành Tiền(đ)	Ghi chú		
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mạ (30.000,000 d/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng)(10.000,000 d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(15.000,000d/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (5.000,000 d/ha)	Diện tích mạ (15.000,000d/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(3.000,000 d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng)(5.000,000d/ha)			Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(7.500,000d/ha)	
																		ha
Tổng cộng		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	93.752.000		
1	Hà Văn Hoàn			4,24	0,00	0,00	0,87	0,52	0,00	0,00	6,44	0,10	0,00	0,00	0,10	0,29	504 000	
2	Đình Văn Hoà									0,07							360 000	
3	Giáp Thi Đạo									0,23							1 138 500	
4	Hà Thị Bình									0,15							772 000	
5	Hà Văn Hậu									0,23							1 152 000	
6	Hoàng Văn Cường																1 440 000	
7	Nguyễn Thị Thuong Huyền																772 000	
8	Hoàng Thị Điện																2 080 000	
9	Hoàng Thị Khôn										0,34						2 080 000	
10	Hà Văn Viên										0,00					0,04	4 800 000	
11	Hà Văn Bạch										0,16					0,07	2 080 000	
12	Hà Văn Tinh										0,07						1 340 000	
13	Hà Văn Hương										0,51						1 159 000	
14	Võ Văn Nam							0,19			0,18						1 340 000	
15	Lâm Thị Đa										0,36						1 159 000	
16	Hà Văn Bộ										0,25						875 000	
17	Ngô Quốc Sáng										0,19						6 120 000	
18	Đỗ Văn Cường										0,15						3 645 000	

Blue signature



TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mặt (d/ha)	Giai đoạn cây con gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (0d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (00d/ha)	Diện tích mặt (15.000.000d/ha)	Giai đoạn cây con gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)			Giai đoạn phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (0d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (7.500.000d/ha)
19	Hoàng Thị Ngoan	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	815 000	
20	Hà Thị Tới			0,43							0,16					4 314 000	
21	Trần Thị Cúc															1 050 000	
22	Hà Hữu Việt										0,19					936 000	
23	Lê Văn Hồi										0,47					2 346 000	
24	Ngô Văn Dương			0,10							0,21					2 245 000	
25	Hà Ngọc Chi										0,22					1 115 000	
26	Hoàng Đức Nhuận			0,26											0,11	2 590 000	
27	Ngô Thị Thành										0,22					1 890 000	
28	Ngô Đức Toàn										0,18					3 450 000	
29	Nguyễn Công Sinh			0,07							0,14					1 420 000	
30	Nguyễn Công Hôn			0,81											0,09	9 450 000	
31	Hà Văn Sáu			0,10							0,22					2 124 500	
32	Hoàng Văn Phần										0,12					590 000	
33	Dương Quang Vũ			0,34												4 800 000	
34	Hà Văn Đức										0,40					2 980 000	
35	Hà Thị Duyệt										0,11					550 000	
36	Hoàng Văn Biên										0,16				0,10	1 310 000	
37	Trần Văn Tư										0,38					1 895 000	
38	Hoàng Văn Hưng			0,10												1 300 000	
39	Hà Văn Dư										0,24					1 200 000	
40	Hoàng Văn Phòng			0,19												1 908 000	



Handwritten signature in blue ink.

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mạ (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (000d/ha)	Diện tích mạ (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)
41	Lương Văn Lan	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	0,07	ha	ha	ha	1 940 000	
42	Hà Việt Dũng			0,16						0,14				700 000	
43	Hoàng Văn Chuyền			0,18										1 800 000	
44	Hoàng Văn Vinh									0,12			0,07	1 125 000	
45	Hoàng Văn Phong			0,10						0,21				2 050 000	
46	Nguyễn Công Doài			0,08										800 000	
47	Nguyễn Công Phúc									0,14				700 000	
Tổng cộng															



BIỂU ĐỀ XUẤT TỒNG HỢP

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

XOM TÂN TIẾN



Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
Tổng cộng		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	76.450.000	
1	Lê Văn Lộng			0,25	0	0	0	4,93	0,15							2.250.000	
2	Lê Thị Thắm			0,10				0,46								7.900.000	
3	Lê Quang Dũng							0,10								1.500.000	
4	Hoàng Văn Học							0,50								7.500.000	
5	Vũ Văn Sai							0,60								9.000.000	



Handwritten signature in blue ink.

BIỂU ĐỀ XUẤT TỔNG HỢP

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

XOM BA PHIENG

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giai đoạn cây đang phát triển (trên	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời			Giai đoạn cây đang phát triển (trên	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời
		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha			ha	
Tổng cộng																	
1	Hoàng Văn Đức			4,78	ha	ha	ha	2,51	ha	ha	ha	ha	ha	85.450.000			
2	Thạch Văn Hoà			0,21				0,07						3.150.000			
3	Nguyễn Văn Tiến			0,10				0,10						2.500.000			
4	Nguyễn Văn Tiến			0,36				0,18						6.300.000			
5	Đoàn Thị Tươi			0,21										2.100.000			
6	Vũ Văn Hay			0,14										1.400.000			
7	Nguyễn Văn Hoà			0,36										3.600.000			
8	Dịch Văn Dương			0,25										2.500.000			
9	Dinh Văn Lập			0,21				0,14						4.200.000			
10	Tần Văn Hoà			0,21										2.100.000			
11	Phạm Văn Nam			0,18										1.800.000			
12	Hoàng Văn Trung			0,18				0,18						4.500.000			
13	Bê Văn Hạnh			0,18				0,14						3.900.000			
14	Hoàng Văn Vít			0,25				0,18						5.200.000			
15	Hoàng Văn Hồi			0,36				0,18						6.300.000			
16	Hoàng Văn Huân			0,14										1.400.000			
17	Bùi Văn Phương			0,10										1.000.000			
18	Dịch Thị Phương			0,61				0,18						2.700.000			
19	Lương Thị Thoa			0,28				0,34						11.200.000			
20	Tô Văn Công			0,14				0,14						4.900.000			
21	Tô Đình Viên			0,14				0,18						4.100.000			
21	Trần Văn Sinh			0,21				0,36						7.500.000			



Blue signature

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời	
22	Bùi Doãn Thi	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 000 000	
23	Vũ Văn Quân			0,1			0,14							2 100 000	
Tổng cộng															



 BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Handwritten signature in blue ink

BIỂU ĐỀ XUẤT TỒNG HỢP

XOM ĐONG VOI

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày tháng năm 2025

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 thời	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời		
Tổng cộng																	
1	Hoàng Văn Phương			9,966				2,698			0,244				0,180	720 000	142.700.000
2	Hoàng Văn Xuân			0,072												1 000 000	
3	Đàm Văn Kế			0,1							0,10				0,18	3 850 000	
4	Đàm Văn Kế			0,20												360 000	
5	Lê Thị Đàm			0,036												720 000	
6	Ma Văn Kế			0,072												1 440 000	
7	Dương Văn Vui			0,144												2 210 000	
8	Đàm Văn Việt			0,176				0,03								12 165 000	
9	Ma Văn Chung			0,144				0,715								1 920 000	
10	Hoàng Thị Sỹ			0,192												3 780 000	
11	Nguyễn Thị Thanh			0,216				0,108								1 080 000	
12	Phạm Văn Huy			0,108												1 080 000	
13	Phạm Văn Giới			0,108												1 440 000	
14	Ma Văn Nghiê			0,108												1 080 000	
15	Ma Văn Tin			0,072												720 000	
16	Đàm Văn Hải			0,158				0,072								2 660 000	
17	Đàm Văn Tinh			0,09												900 000	
18	Đàm Văn Tuấn			0,09												1 400 000	
19	Âu Thi Luật			0,14												3 800 000	
20	Trần Văn Hải			0,38												6 120 000	
21	Hoàng Văn Mạnh			0,396				0,144								1 620 000	
22	Đàm Duy Công			0,108				0,036								1 430 000	



TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời			Giải đoạn cây đang phát triển (trên
22	Đàm Duy Hiệu	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	5 430 000	
23	Đàm Quốc Văn			0,18				0,178							2 085 000	
24	Đàm Văn Quý			0,18				0,205							4 875 000	
25	Sâm Văn Thọ			0,108				0,054							1 890 000	
26	Đàm Văn Toàn			0,324				0,162							5 670 000	
27	Đàm Văn Hà			0,127											1 270 000	
28	Đàm Văn Hồng			0,158											1 580 000	
29	Trần Văn Gao			0,552											5 520 000	
30	Trần Văn Gao			0,222				0,07							3 270 000	
31	Sâm Văn Quý							0,18							2 700 000	
32	Đàm Thị Văn			0,324											3 240 000	
33	Long Văn Kinh			0,594											5 940 000	
34	Ma Văn Hoàn			0,144											1 440 000	
35	Đàm Thị Nghi			0,36				0,048							4 320 000	
36	Ma Văn Hoa			0,252											2 520 000	
37	Đàm Văn Dũng			0,147											1 470 000	
38	Dương Văn Khải			0,18											1 800 000	
39	Đàm Văn Lê			0,324											3 240 000	
40	Ma Văn Chiến			0,108											1 080 000	
41	Ma Văn Bách			0,162											1 620 000	
42	Đàm Văn Đăng			0,06											600 000	
43	Dương Văn Mão			0,108				0,108							2 700 000	
44	Đàm Văn Kỳ			0,128											1 280 000	
45	Đàm Văn Nhất			0,255				0,07							3 600 000	
46	Trần sỹ Lê			0,043											430 000	
47	Trần Văn Dũng			0,171				0,142							3 840 000	



Handwritten signature in blue ink.

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giai đoạn cây đang phát triển (trên sinh	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 2/3 thời		
48	Trần Văn Phong	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	4 575 000	
49	Đàm Quang Thuận			0,036					0,144					1 080 000	
50	Ma Văn Cường			0,072										720 000	
51	Sầm Văn Phú			0,164			0,04							2 240 000	
52	Trần Văn Xu			0,216			0,108							3 780 000	
53	Ma Văn Dài			0,144										1 440 000	
54	Đàm Văn Thiết			0,18										1 800 000	
55	Đàm Văn Thiệu			0,324										3 240 000	
Tổng cộng															

BIỂU ĐỀ XUẤT TỒNG HỢP

XÓM THỊNH KHÁNH

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày tháng năm 2025

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời		
		ha	ha	ha		ha	ha	ha	ha	ha	ha		ha	ha	ha		
Tổng cộng																	
1	Hoàng Văn Thịnh			16,48	0,000	0,000	0,000	7,80	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,18	283.141.500		
2	Nông Thanh Nhân			0,24				0,00							2.437.000		
3	Phạm Quang Giáp			0,19				0,55							10.148.500		
4	Đình Thị Trinh			0,19				0,22							5.104.500		
5	Hoàng Văn Chinh			0,13				0,00							1.324.000		
6	Hoàng Văn Sơn			0,58				0,55							14.100.000		
7	Hoàng Văn Sơn			0,16				0,00							1.643.000		
8	Hoàng Văn Kiên			0,49				0,07							5.967.500		
9	Lương Việt Hải			0,36				0,00							3.559.000		
10	Lương Văn Long			0,11				0,00							1.053.000		
11	Chu Văn Quyền			0,00				0,11							1.680.000		
12	Chu Tuấn Đạt			0,00				0,00							1.680.000		
13	Nguyễn Văn Tuấn			0,22				0,00							2.239.000		
14	Nguyễn Văn Tuấn			0,23				0,50							9.766.500		
15	Phạm Thị Nhi			0,14				0,00							1.417.000		
16	Phạm Tiến Dũng			0,12				0,11							2.867.500		
17	Vũ Thị Việt			0,31				0,23							6.510.000		
18	Lê Văn Núi			0,00				0,53							8.013.000		
19	Hoàng Văn Minh			0,55				0,07							6.521.000		
20	Dương Thị Trang			0,11				0,00							1.080.000		
21	Lương Văn Ngo			0,17				0,38							7.381.500		
22	Phan Thị Hoa			0,12				0,00							1.238.000		
23	Chu Văn Hào			0,26				0,22							5.810.000		



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giai đoạn cây đang phát triển (trên	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời			Giai đoạn cây đang phát triển (trên	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian
22	Hoàng Văn Kiêm	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	3 568 000	
23	Phạm Thị Hiếu			0,25												3 637 000	
24	Hoàng Văn Khánh			0,36												1 602 000	
25	Lâm Văn Thành			0,16												6 555 000	
26	Chu Mã Lương			0,66												4 982 000	
27	Phan Văn Chư			0,34												6 390 000	
28	Hoàng Văn Trường			0,20												3 869 000	
29	Lương Xuân Hiệp			0,16												3 869 000	
30	Hoàng Văn Sơn			0,17												3 384 000	
31	Hoàng Văn Ánh			0,22												8 065 500	
32	Vi Văn Trung			0,12												1 173 000	
33	Đỗ Văn Thu			0,18												1 754 000	
34	Đỗ Văn Quang			0,21												4 317 000	
35	Đỗ Văn Quang			0,49												4 865 000	
36	Lê Trung Tân			0,00												4 248 000	
37	Ngô Thị Hải			0,00												8 611 000	
38	Nguyễn Cường Thịnh			0,86												1 853 000	
39	Giáp Văn Bin			0,19												2 162 000	
40	Lâm Thị Minh			0,22												6 302 500	
41	Nguyễn Văn Khai			0,16												7 106 000	
42	Phan Văn Tuấn			0,23												7 106 000	
43	Phan Văn Sỹ			0,65												6 517 000	
44	Phan Văn Sỹ			0,33												5 085 000	
45	Phan Văn Dũng			0,00												1 080 000	
46	Hoàng Văn Phương			0,41												7 850 500	
47	Phạm Thị Hạnh			0,22												2 220 000	
48	Vi Văn Đại			0,22												2 232 000	
49	Phan Văn Toàn			0,16												4 484 000	



Handwritten signature in blue ink.

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú			
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời	Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giải đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời			Giải đoạn cây đang phát triển (trên	Giải đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời	
48	Chu Đức Thiện	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 809 000		
49	Vĩ Văn Bình			0,20													2 033 000	
50	Hoàng Văn Đoàn			0,15													1 454 000	
51	Hoàng Mạnh Cường			0,41													6 300 000	
52	Chu Văn Hiệp			0,19													1 866 000	
53	Hoàng Văn Toàn			0,36													3 600 000	
54	Chu Trung Kiên			0,48													8 097 000	
55	Hoàng Văn Quân			0,40													7 061 000	
56	Nguyễn Thị Bằng			0,39													3 898 000	
57	Nguyễn Sỹ Lâm			0,61													14 485 000	
58	Hoàng Văn Mùi			0,30													8 360 000	
59	Nông Thị Hạnh			0,13													1 329 000	
60	Hoàng Văn Chí			0,26													3 132 000	
61	Hoàng Văn Đào			0,15													1 541 000	
62	Lương Văn Hương			0,16													1 636 000	
63	Chu Thị Lan			0,18													1 768 000	
Tổng cộng																		

BIỂU ĐỀ XUẤT TỒNG HỢP
Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

XOM ĐÔNG RÀ

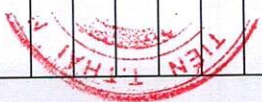


TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mà	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mà	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian)
Tổng cộng																
1	Trương Văn Hoàng	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	85.340.000		
2	Trần Văn Đan			0,14							0,28			1 400 000		
3	Hoàng Văn Tiếp			0,14							0,10			1 400 000		
4	Hoàng Văn Tuấn			0,07							0,03			700 000		
5	Hoàng Văn Tuấn			0,18							0,08			1 800 000		
6	Hà Văn Hữu			0,15										1 440 000		
7	Trần Thị Kỳ			0,07										1 470 000		
8	Hà Văn Cai			0,23										700 000		
9	Hà Văn Lương			0,23										2 300 000		
10	Hà Văn Niên			0,24										2 400 000		
11	Lã Văn Phong			0,24							0,21			2 400 000		
12	Hoàng Văn Lâm			0,43							0,03			4 300 000		
13	Hoàng Văn Lâm			0,03										300 000		
14	Lã Hoài Nam			0,36										3 600 000		
15	Hoàng Văn Sỏi			0,21										2 100 000		
16	Nông Văn Bộ			0,14										1 400 000		
17	Mông Văn Học			0,14										1 400 000		
18	Mông Văn Dậy			0,32										3 200 000		
19	Mông Văn Dậy			0,32										3 200 000		
20	Mông Văn Dậy			0,20										2 000 000		
21	Mông Văn Dậy			0,20										2 000 000		
22	Mông Văn Dậy			0,14										1 400 000		
23	Mông Văn Dậy			0,14										1 400 000		
24	Mông Văn Dậy			0,18										1 800 000		

(Handwritten signature)



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
21	Mông Văn Cao	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	700 000		
22	Hoàng Ngọc Ánh			0,12							0,18				1 200 000		
23	Hoàng Văn Giáp			0,18							0,10				1 800 000		
24	Hà Thị Hạnh			0,14											1 400 000		
25	Mông Văn Hồng			0,25											2 500 000		
26	Hoàng Thị Hà			0,10											1 000 000		
27	Hoàng Văn Tinh			0,32				0,21							6 350 000		
28	Trần Văn Vinh			0,14							0,07				1 400 000		
29	Trương Thị Ít			0,14											1 400 000		
30	Mông Văn Chu			0,28											2 800 000		
31	Hoàng Văn Bằng			0,54											5 400 000		
32	Lô Văn Hè			0,23											2 300 000		
33	Hoàng Văn Nguyễn			0,07											700 000		
34	Lê Thị Mỹ			0,33											3 300 000		
35	Nguyễn Thị Liên			0,32											3 200 000		
36	Hoàng Văn Danh			0,18							0,10				1 800 000		
37	Vì Văn Diệu			0,14											1 400 000		
38	Hứa Minh Khới			0,18											1 800 000		
39	Lâm Văn Nguyệt			0,14											1 400 000		
40	Nguyễn Văn Tuấn			0,10											1 000 000		
41	Trần Văn Kết			0,10							0,10				1 000 000		
42	Lã Việt Đức Anh			0,18											1 800 000		
43	Lương Văn Hằng			0,11											1 100 000		
44	Lã Văn Hùng			0,11											1 080 000		



Blue

BIỂU ĐỀ XUẤT TỒNG HỢP

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

XOM BẮC PHONG

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giới đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giới đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian)	Giới đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giới đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giới đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian)	Giới đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)			
1	Hoàng Văn Phòng	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2,14	74.750.000	
2	Nông Văn Kiều			0,14												1.400.000	
3	Lã Văn Mỹ			0,18											0,14	1.450.000	
4	Nông Văn Thắng			0,04											0,10	750.000	
5	Nông Văn Canh			0,18											0,28	1.800.000	
6	Hà Văn Dũng			0,10											0,10	2.100.000	
7	Hoàng Văn Cuối			0,10											0,10	1.000.000	
8	Hoàng Văn Sư			0,14											0,10	1.400.000	
9	Nông Văn Hưng														0,10	750.000	
10	Hà Văn Nghi			0,21											0,10	2.850.000	
11	Hà Văn Sơn														0,05	375.000	
12	Trương Văn Chức			0,10												1.000.000	
13	Hà Văn Bằng			0,14												1.400.000	
14	Trương Văn Thành			0,27												2.700.000	
15	Hoàng Đình Phong			0,18												1.800.000	
16	Trương Văn Doan			0,27												2.700.000	
17	Hà Văn Chiến														0,18	1.350.000	
18	Hà Văn Quân			0,18											0,25	3.675.000	
19	Hà Văn Pào			0,18												1.800.000	
20	Lê Quỳnh Lưu			0,10												1.000.000	
Tổng cộng				5,87	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2,14	74.750.000	



Handwritten signature in blue ink.

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
21	Lý Văn Cường	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	400 000	
22	Lú Văn Quân			0,04												1 400 000	
23	Lê Thị Vinh			0,03												300 000	
24	Lã Văn Cường			0,21												2 325 000	
25	Lã Văn Bình			0,21												3 450 000	
26	Hà Văn Đại			0,18												1 800 000	
27	Trương Văn Công			0,10												1 000 000	
28	Kiên Thị Nguyệt			0,18												1 800 000	
29	Lý Văn Sâm			0,10												1 750 000	
30	Hà Văn Khánh			0,14												2 450 000	
31	Hà Văn Niên			0,14												1 400 000	
32	Trần Xuân Trường															1 350 000	
33	Phùng Thị Hiệu			0,14												1 400 000	
34	Lê Văn Hoan			0,21												2 100 000	
35	Nông Văn Quang			0,27												2 700 000	
36	Nông Thanh Quân			0,18												1 800 000	
37	Hà Văn Sỹ			0,14												1 400 000	
38	Lý Văn Lùng			0,28												3 025 000	
39	Lã Văn Sinh			0,28												2 800 000	
40	Lã Văn Sin			0,25												2 725 000	
41	Hoàng Văn Nga			0,10												1 000 000	
42	Hoàng Văn Tuấn			0,07												700 000	
43	Hoàng Văn Quốc															1 350 000	
44	Hoàng Văn Căn			0,07												1 225 000	
Tổng cộng																	



Handwritten signature in blue ink.

BIÊN BẢN XUẤT TÔNG HỢP
XÉT ĐOÁN KẾT

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
Tổng cộng																	
1	Lê Ngọc Hải	ha	ha	ha	0,0000	0,0000	0,0000	10,4460	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,3780	229.550.000	
2	Hoàng Văn Lương			0,23				0,36								10.600.000	
3	Lê Văn Hoàn			0,14				0,07								7.700.000	
4	Nguyễn Văn Hó			0,092												920.000	
5	Dương Văn Tung						0,39									5.850.000	
6	Lê Văn Hùng			0,3			0,3									7.500.000	
7	Đỗ Văn Vinh						0,5									7.500.000	
8	Phạm Quang Chung			0,14			0,08									2.600.000	
9	Đỗ Thị Quyên						0,07									1.050.000	
10	Đàm Văn Dương						0,28									4.200.000	
11	Phạm Văn Doãn			0,13			0,068									2.320.000	
12	Nguyễn Thị Xá						0,166									2.490.000	
13	Nguyễn Huy Tiến						0,037									555.000	
14	Phạm Văn Tuấn						0,139									2.085.000	
15	Nguyễn Văn Hồi			0,19			0,25									5.650.000	
16	Nguyễn Văn Bảy			0,08			0,09									2.150.000	



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)
17	Đỗ Thị Lệ	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 080 000	
18	Vũ Văn Trọng			0,22											2 200 000	
19	Nguyễn Văn Rông			0,16											2 680 000	
20	Đỗ Văn Quang														540 000	
21	Lê Kiên Cường			0,108											1 080 000	
22	Lê Văn Tạo														1 110 000	
23	Lê Văn Đồi			0,108											6 600 000	
24	Đỗ Văn Vinh														6 450 000	
25	Hoàng Thị Thái			0,072											1 260 000	
26	Lê Văn Khánh			0,14											3 020 000	
27	Đỗ Văn Thái														1 620 000	
28	Hoàng Chiển Ghi			0,108											3 990 000	
29	Đỗ Thị Nguyễn														3 525 000	
30	Lê Văn Nguyễn														1 905 000	
31	Vũ Văn Thông			0,216											3 780 000	
32	Lê Khắc Thảo														3 300 000	
33	Lê Văn Mạnh			0,168											1 680 000	
34	Đỗ Thị Vui														1 050 000	
35	Lê Thị Thu														1 080 000	
36	Phạm Thị Ngời			0,166											1 660 000	
37	Hoàng Văn Tuấn														4 335 000	



Ben

TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (giéo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (giéo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)
38	Dương Thị Dung	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	8 250 000	
39	Lê Văn Thiêng			0,24				0,39							810 000	
40	Vũ Văn Sa							0,072							1 080 000	
41	Nguyễn Thị Trinh							0,15							2 250 000	
42	Nguyễn Văn Quả			0,16				0,15							3 850 000	
43	Lê Văn Nữ			0,08				0,08							2 000 000	
44	Lê Thị Lan							0,037							555 000	
45	Đỗ Thị Thoa							0,18							2 700 000	
46	Lê Văn Hưng							0,04							600 000	
47	Lê Văn Chiến			0,44				0,56							12 800 000	
48	Phạm Thị Lương			0,148											1 480 000	
49	Nguyễn Văn Giáo			0,18				0,1							3 300 000	
50	Lê Văn Vuốt			0,12				0,14							3 300 000	
51	Đỗ Văn Tinh							0,111							1 665 000	
52	Đỗ Văn Bộ							0,136							2 040 000	
53	Lê Văn Đáp							0,18							2 700 000	
54	Nguyễn Văn Anh							0,18							2 700 000	
55	Đỗ Văn Minh							0,36							5 400 000	
56	Hoàng Văn Cương			0,108											1 080 000	
57	Lê Trung Hiếu															
58	Đàm Văn Quốc							0,35							5 250 000	

TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)
59	Lê Thanh Tùng	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 800 000	
60	Hoàng Công Hữu			0,394											9 205 000	
61	Lê Xuân Nham			0,025											2 500 000	
62	Lê Văn Chức			0,072											720 000	
63	Lê Thị Dệt														1 725 000	
64	Lê Văn Chức			0,144											1 440 000	
65	Lê Văn Sóc			0,179											6 815 000	
66	Lê Thị Quyết														1 050 000	
67	Đỗ Thị Diệu														540 000	
68	Lê Văn Quỳnh			0,18											4 500 000	
69	Lê Văn Hiệp														2 100 000	
70	Phạm Thị Vân			0,036											1 440 000	
71	Lê Thị Kén			0,085											850 000	
72	Dương Văn Công			0,144											3 195 000	
73	Nguyễn Văn Tim			0,108											2 160 000	
74	Hoàng Văn Quân			0,2355											2 895 000	
75	Lê Văn Chín			0,108											1 080 000	
76	Lê Thị Năng			0											1 620 000	
77	Đỗ Thị Chuyển														540 000	
Tổng cộng																

BIỂU ĐỀ XUẤT TỔNG HỢP
Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

KOM PHUONG BA



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú			
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác							
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mạ (m²) (30.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (5.000.000 d/ha)	Diện tích mạ (m²) (15.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)			Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (7.500.000 d/ha)	
Tổng cộng		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	226.500.000	
1	Nguyễn Văn Chương			9,39	0,00	0,00	0,00	1,65	0,00	0,00	0,54	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2 700 000	
2	Lương Hồng Sơn			0,58				0,13									7 750 000	
3	Vì Thị Thu Huyền			0,24				1,14			0,14						19 500 000	
4	Nguyễn Thị Kỳ							0,06									1 600 000	
5	Dương Văn Thiết			0,17													1 700 000	
6	Phạm Văn Bằng			0,43				0,21									7 450 000	
7	Hoàng Văn Hội			0,36							0,29						5 050 000	
8	Dương Thị Hợi			0,10				0,07									2 050 000	
9	Dương Hải Hoàn							0,07			0,24						2 250 000	
10	Dương Văn Thành			0,21				0,03									2 550 000	
11	Lương Văn Đình			0,39				0,08									5 100 000	
12	Nguyễn Quốc Đạt										0,36						1 800 000	
13	Lương Văn Tắc			0,10													1 000 000	
14	Hoàng Văn Tươi			0,38				0,11									5 450 000	
15	Hoàng Văn Tùng							0,36			0,54						8 100 000	
16	Hoàng Văn Hùng							0,46			0,11						7 450 000	
17	Nông Thị Quyên										0,15						750 000	
18	Lương Văn Hoàn			0,06				0,03									1 050 000	



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mạ (ha)	Giai đoạn cây con (giéo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (0đ/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (000đ/ha)	Diện tích mạ (ha)	Giai đoạn cây con (giéo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)			Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (0đ/ha)
19	Nguyễn Hoàng Gia	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 000 000	
20	Hoàng Công Dân			0,27							0,40				2 700 000	
21	Lương Hồng Cơ									0,46					7 850 000	
22	Nguyễn Văn Cường									0,25					6 200 000	
23	Đình Văn Tương									0,27					2 400 000	
24	Nguyễn Thị Tuyết									0,15					750 000	
25	Đình Văn Việt									0,34					3 050 000	
26	Đông Đức Hiền									0,24					1 200 000	
27	Lưu Văn Nhật									0,21					1 050 000	
28	Lương Thị Hồng									0,06					3 750 000	
29	Linh Thị Đức									0,24					4 500 000	
30	Nguyễn Văn Chi									0,41					3 400 000	
31	Lương Văn Quan									0,04					3 200 000	
32	Lưu Văn Thông									0,18					1 800 000	
33	Hoàng Thị Sang									0,10					2 050 000	
34	Lương Văn Đông									0,12					1 650 000	
35	Lương Văn Tích									0,03					3 050 000	
36	Nguyễn Văn Tú									0,18					2 500 000	
37	Dương Văn Luyến									0,07					1 650 000	
38	Hoàng Văn Bắc									0,25					2 500 000	
39	Lương Văn Đình									0,19					1 900 000	
40	Lương Văn Thắng									0,09					4 500 000	
										0,58					3 650 000	
										0,19					8 650 000	



Blue handwritten signature or mark.

TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác				Diện tích lúa		Cây hàng năm khác						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(d/ha)	Diện tích mạ(30.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng(d/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(10.000.000 d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(15.000.000 d/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(5.000.000 d/ha)	Diện tích mạ(15.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng(3.000.000 d/ha)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(5.000.000 d/ha)
41	Đàm Văn Mạnh	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	8 850 000	
42	Lương Văn Chính			0,09						0,21					1 050 000	
43	Dương Văn Bầu			0,50											5 000 000	
44	Nguyễn Văn Sĩát			0,46											6 700 000	
45	Nguyễn Văn Tuyên									0,14					2 800 000	
46	Nguyễn Văn Hồ			0,22											2 200 000	
47	Nguyễn Quốc Văn			0,06											4 800 000	
48	Nguyễn Thị Thịnh									0,41					2 050 000	
49	Hoàng Thị Thịnh			0,16											4 450 000	
50	Dương Quang Lâm			0,29											2 900 000	
51	Lương Văn Ứng			0,46											4 600 000	
52	Lương Văn Trường			0,31											3 100 000	
53	Nguyễn Văn Anh			0,23											2 300 000	
54	Nguyễn Văn Khương			0,12											1 200 000	
55	Hoàng Văn Bắc									0,33					1 650 000	
56	Phạm Văn Lương			0,10											1 000 000	
57	Đinh Văn Chiến			0,25											2 500 000	
58	Nguyễn Văn Kiểm			0,16											1 600 000	
59	Lê Hồng Khang									0,36					2 850 000	
60	Đông Đức Lành			0,36											4 350 000	
61	Hoàng Ngọc Tiếp			0,11											2 750 000	
62	Đinh Văn Quân									0,14					2 700 000	

HUYỆN

BIỂU ĐỀ XUẤT TỒNG HỢP

Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

XÓM LĂNG CHẾ

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Cây hàng năm khác						Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú			
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 ngày đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (ha)	Diện tích mạ (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (ha)	Diện tích mạ (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)			Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	
Tổng cộng		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	325.656.000	
1	Dương Văn Tồn			32,54	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1 800 000	
2	Dương Văn Ngọc			0,14													1 440 000	
3	Hoàng Văn Nam			0,32													3 240 000	
4	Hoàng Văn Dũng			0,21													2 088 000	
5	Hoàng Văn Tư			0,28													2 772 000	
6	Hoàng Văn Nội			0,30													3 060 000	
7	Hoàng Văn Đẹp			0,31													3 600 000	
8	Dương Thị Đào			0,36													3 888 000	
9	Âu Văn Hương			0,39													2 088 000	
10	Sầm Thị Đô			0,21													2 700 000	
11	Hoàng Thị Phương			0,27													1 512 000	
12	Dương Văn Tài			0,15													792 000	
13	Dương Văn Lý			0,08													1 620 000	
14	Hoàng Văn Chương			0,16													1 296 000	
15	Hoàng Văn Long			0,13													900 000	
16	Ninh Văn Phong			0,09													1 728 000	
17	Dương Thị Tiên			0,17													1 440 000	
18	Âu Văn Thống			0,14													1 440 000	



Blue handwritten signature or mark.

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 ngày đến 45 ngày(ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(đ/ha)	Diện tích mạ(đ/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng(đ/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(đ/ha)	Giai đoạn cần thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(đ/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(đ/ha)	Diện tích mạ(đ/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng(đ/ha)			Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(đ/ha)	Giai đoạn cần thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(đ/ha)
19	Âu Văn Trí	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 440 000	
20	Dương Văn Đức(B)			0,22												2 160 000	
21	Dương Văn Tấn			0,25												2 520 000	
22	Dương Văn Chúc			0,07												720 000	
23	Dương Văn Càn			0,23												2 340 000	
24	Trần Văn Ngoan			0,36												3 600 000	
25	Trần Văn Cầu			0,13												1 260 000	
26	Trần Văn Thư			0,33												3 348 000	
27	Trần Văn Nông			0,14												1 440 000	
28	Âu Văn Loan			0,50												5 040 000	
29	Âu Văn Bình			0,32												3 168 000	
30	Âu Văn Yêu			0,11												1 080 000	
31	Dương Văn Thôn			0,24												2 448 000	
32	Hoàng Thị Chi			0,11												1 080 000	
33	Trần Văn Đức			0,14												1 440 000	
34	Âu Văn Ca			0,47												4 680 000	
35	Dương Văn Lương			0,13												1 296 000	
36	Dương Văn Lương			0,20												2 016 000	
37	Hoàng Văn Quang			0,29												2 880 000	
38	Âu Văn Khéo			0,23												2 300 000	
39	Trần Văn Thống			0,24												2 376 000	
40	Trần Văn Tà			0,21												2 052 000	

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 ngày đến 45 ngày(ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(d/ha)	Diện tích mạ(30.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng(6.000.000 d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng)(10.000.00 d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(15.000.000d /ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(5.000.000d/ha)	Diện tích mạ(15.000.000d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng(3.000.000 d/ha)			Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng)(5.000.000d/ha)
41	Đỗ Văn Tề	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 880 000	
42	Hoàng Văn Đông			0,24											2 376 000	
43	Hoàng Văn Thái			0,04											360 000	
44	Hoàng Văn Chiến			0,06											.648 000	
45	Dương Văn Thích			0,22											2 160 000	
46	Hoàng Thị Hưng			0,25											2 520 000	
47	Âu Văn Xuất			0,22											2 160 000	
48	Âu Văn Nhung			0,63											6 300 000	
49	Trần Thị Đông			0,29											2 880 000	
50	Dương Văn Mừng			0,27											2 736 000	
51	Trần Văn Sự			0,57											5 688 000	
52	Đặng Thị Lan			0,04											396 000	
53	Ninh Văn Phương			0,05											504 000	
54	Trần Văn Hoàn			0,15											1 512 000	
55	Ninh Văn Kế			0,25											2 520 000	
56	Dương Văn Dệ			0,26											2 628 000	
57	Dương Văn Mây			0,28											2 808 000	
58	Ninh Văn Thái			0,29											2 880 000	
59	Hoàng Văn Bình			0,25											2 520 000	
60	Trần Văn Dũng			0,07											720 000	
61	Hoàng Văn Biên			0,14											1 404 000	
62	Ninh Văn Lực			0,46											4 572 000	



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 ngày đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (ha)	Diện tích mạ (m ²) (d/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (10.000,00 d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (15.000,00 d/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (000d/ha)	Diện tích mạ (15.000,00 d/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (3.000,00 d/ha)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (5.000,00 d/ha)
63	Dương Văn Chung	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	3 132 000	
64	Trần Văn Công			0,31											720 000	
65	Trệu Thị Chiến			0,07											864 000	
66	Dương Văn Vàng			0,09											1 440 000	
67	Dương Văn Giang			0,14											2 160 000	
68	Dương Công Trường			0,22											1 296 000	
69	Dương Văn Hùng			0,13											900 000	
70	Trần Văn Đạo			0,09											4 392 000	
71	Đỗ Văn Điện			0,44											4 824 000	
72	Đỗ Văn Thái			0,48											3 204 000	
73	Âu Thị Anh			0,32											648 000	
74	Trần Văn Chung			0,06											1 440 000	
75	Âu Văn Nghiệp			0,14											1 440 000	
76	Dương Minh Chiến			0,51											5 148 000	
77	Đàm Văn Hợp			0,13											1 260 000	
78	Trần Văn Thành			0,13											1 300 000	
79	Dương Thị Ngươn			0,18											1 800 000	
80	Dương Văn Bình			0,13											1 332 000	
81	Trần Văn Chí			0,17											1 728 000	
82	Trần Văn Khôn			0,14											1 404 000	
83	Lục Văn Đình			0,18											1 764 000	
84	Trần Văn Quân			0,13											1 332 000	

131

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(d/ha)	Diện tích mặt (d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(00/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(000d/ha)	Diện tích mặt (15.000.000d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(d/ha)			Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(5.000,00d/ha)
85	Dương Văn Hưng	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	3 528 000	
86	Vũ Văn Thái			0,15											1 512 000	
87	Trần Văn Cẩm			0,17											1 692 000	
88	Đàm Văn Tuấn			0,13											1 332 000	
89	Ninh Văn Phú			0,31											3 096 000	
90	Trần Văn Chích			0,29											2 880 000	
91	Âu tiền Thọ			0,31											3 060 000	
92	Trần Thị Quán			0,13											1 332 000	
93	Dương Văn Đức			0,22											2 160 000	
94	Trần Thị Hợp			0,15											1 548 000	
95	Trần Văn Kính			0,30											2 988 000	
96	Trần Văn Bình			0,15											1 548 000	
97	Trần Văn Thọ			0,15											1 548 000	
98	Trần Văn Thơm			0,15											1 548 000	
99	Hoàng Văn Tĩnh			0,16											1 600 000	
100	Âu Văn Thế			0,21											2 124 000	
101	Vũ Thị Hoa			0,36											3 600 000	
102	Âu Văn Chính			0,45											4 536 000	
103	Đàm Văn Hồng			0,23											2 268 000	
104	Âu Văn Nông			0,37											3 708 000	
105	Phạm Phú Hải			0,37											3 744 000	
106	Dương Văn Sự			0,24											2 376 000	

TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích									
		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác				Diện tích lúa			Cây hàng năm khác						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mạ (30.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (10.000.000 d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (15.000.000 d/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (5.000.000 d/ha)	Diện tích mạ (15.000.000 d/ha)	Giai đoạn cây con (giéco) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (3.000.000 d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (5.000.000 d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (7.500.000 d/ha)		
107	Âu Văn Dung	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 304 000	
108	Âu Văn Ngự			0,33												3 276 000	
109	Âu Văn Du			0,31												3 132 000	
110	Dương Văn Sỹ			0,13												1 296 000	
111	Âu Văn Lê			0,03												300 000	
112	Lục Văn Thìn			0,10												1 044 000	
113	Lục Văn Thân			0,14												1 440 000	
114	Đỗ Văn Chắc			0,22												2 160 000	
115	Đỗ Văn Ngòi			0,26												2 592 000	
116	Phùng Thị Then			0,11												1 080 000	
117	Trần Văn Thảo			0,16												1 620 000	
118	Dương Văn Nha			0,36												3 600 000	
119	Dương Văn Sơn			0,32												3 240 000	
120	Ninh Văn Hậu			0,12												1 152 000	
121	Vì Thị Phương			0,27												2 736 000	
122	Lục Văn Tinh			0,04												360 000	
123	Lục Văn Tâm			0,30												3 024 000	
124	Hoàng Văn Hán			0,15												1 512 000	
125	Dương Văn Gia			0,08												828 000	
126	Dương Văn Tuấn			0,31												3 132 000	
127	Hoàng Thị Tung			0,18												1 800 000	
128	Trần Văn Tranh			0,10												972 000	

Đu

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác				Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 ngày đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mạ (mạ) (d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (00d/ha)	Diện tích mạ (mạ) (000d/ha)	Giai đoạn cây con (giáo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng (d/ha)	Giai đoạn đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (7.500.000d/ha)	
129	Trần Ngọc Thanh	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	828 000	
130	Ninh Văn Lê			0,08											3 924 000	
131	Trần Đức Đức			0,23											2 304 000	
132	Dương Văn Dương			0,44											4 428 000	
133	Hoàng Thị Kịch			0,11											1 080 000	
134	Hoàng Thị Hằng			0,41											4 140 000	
135	Lục Văn Môn			0,36											3 600 000	
136	Trần Văn Hoa			0,39											3 852 000	
137	Dương Văn Thực			0,18											1 800 000	
138	Dương Văn Thìn			0,27											2 700 000	
139	Vì Văn Chung			0,10											1 000 000	
140	Hoàng Văn Tài			0,28											2 800 000	
141	Trần Văn Chuyên			0,18											1 800 000	
142	Trần Văn Học			0,10											1 000 000	
143	Vì Văn Kỳ			0,07											700 000	
144	Trần Văn Điền			0,18											1 800 000	
145	Dương Văn Thiên			0,21											2 100 000	
146	Dương Văn Thân			0,21											2 100 000	
147	Dương Thị Dương			0,10											1 000 000	

Thành Tiền(đ)

Ghi chú

BIỂU ĐỀ XUẤT TẶNG HỢP
Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025

XOM LANG MUOI

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Thành Tiền (đ)	Ghi chú						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (d/ha)	Diện tích mặt (d/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày (000d/ha)	Diện tích mặt (15.000.000d/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (d/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (7.500.000d/ha)				
Tổng cộng																					
1	Triệu Văn Toàn	ha	ha	20,60	ha	0,00	ha	0,00	4,31	0,16	ha	0,70	ha	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	259.600.000		
2	Bản Hữu Tuấn			0,16					0,07											3 200 000	
3	Bản Hữu Hà			0,14					0,07											2 100 000	
4	Bản Hữu Hà			0,18					0,07											2 500 000	
5	Phan Đức Luân			0,18					0,22											4 000 000	
6	Phan Sinh Tiến			0,16					0,01											1 700 000	
7	Bản Văn Hiền			0,39					0											3 900 000	
8	Đoàn Quốc Dũng			0,14					0											1 400 000	
9	Nông Văn Hải			0,00					0,01											100 000	
10	Nguyễn Thị Lộc			0,18					0											1 800 000	
11	Triệu Quýết Thắng			0,18					0											1 800 000	
12	Triệu Văn Vinh			0,29					0,14											4 300 000	
13	Đặng Đức Hưng			0,32					0,07											3 900 000	
14	Đoàn Quốc Bảy			0,11					0,1											2 100 000	
15	Triệu Văn Hậu			0,22					0,07											2 900 000	
16	Triệu Văn Đức			0,11					0											1 100 000	
17	Triệu Nho Lý			0,11					0,05											1 600 000	
18	Đặng Đăng Phong			0,29					0,07											3 600 000	
19	Lý Tài Thanh			0,29					0,19											4 800 000	
20	Triệu Nho Triền			0,90					0											9 000 000	
21	Triệu Quý Hoa			0,31					0,19											5 000 000	
22	Triệu Nho Kim			0,90					0											9 000 000	
23	Triệu Nho Sáu			0,32					0,19											5 100 000	
24	Đặng Sinh Long			0,43					0,67											11 000 000	

(Handwritten signature)



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (6.000,000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(8.000,000đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(10,000,000 đ/ha)	Diện tích mạ(30.000,000 đ/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(6,000,000 đ/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng)(6,000,000 đ/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(15,000,000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(3,000,000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(4,000,000 đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(5,000,000đ/ha)	Diện tích mạ(15,000,000đ/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(3,000,000 đ/ha)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 thời gian sinh trưởng)(7,500,000đ/ha)
24	Phan Văn Đại	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 800 000	
25	Hà Đức Lợi			0,25											2 500 000	
26	Vũ Thị Nguyệt			0,11											1 800 000	
27	Triều Thị Lương			0,11											2 100 000	
28	Triều Nho Quý			0,25											3 200 000	
29	Triều Nho Thắng			0,07											1 700 000	
30	Đặng Đức Tào			0,11											2 100 000	
31	Đặng Đăng Thanh			0,07											1 400 000	
32	Nông Văn Cầu			0,14											1 400 000	
33	Dương Văn Hải			0,14											1 400 000	
34	Nguyễn Văn Đạt			0,18											1 800 000	
35	Vũ Văn Hồng			0,14											1 400 000	
36	Phạm Phú Vàng			0,13											1 300 000	
37	Chu Thị Hiếu			0,43											4 300 000	
38	Hoàng Văn Nguyễn			0,34											3 400 000	
39	Phạm Phú Thảo			0,11											1 100 000	
40	Triều Nho Lâm			0,55											5 500 000	
41	Nông Thị Năm			0,09											900 000	
42	Đặng Đăng Phương			0,41											4 800 000	
43	Đặng Thị Hoà			0,07											700 000	
44	Phạm Phú Long			0,09											900 000	
45	Triều Tài Triền			0,11											1 100 000	
46	Nông Văn Nguyễn			0,19											1 900 000	
47	Đặng Đăng Triền			0,18											3 600 000	
48	Triều Nho Hương			0,11											1 100 000	
49	Phạm Phú Quang			0,04											1 400 000	
50	Đặng Đăng Phúc			0,14											1 400 000	



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (6.000.000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(8.000.000đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(10.000.000 đ/ha)	Diện tích mạ(30.000.000 đ/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(6.000.000 đ/ha)	Giai đoạn đang cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(6.000.000 đ/ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(15.000.000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(3.000.000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(4.000.000 đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(5.000.000đ/ha)	Diện tích mạ(15.000.000đ/ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(3.000.000 đ/ha)			Giai đoạn đang cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(7.500.000đ/ha)
51	Dương Văn Thạch	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 800 000	
52	Triệu Thị Nga			0,11			0,14								2 500 000	
53	Lý Tài Trường			0,04			0,03								700 000	
54	Bàn Thị Tư			0,18			0								1 800 000	
55	Triệu Nho Hương			0,02			0								200 000	
56	Triệu Đức An			0,14			0								1 400 000	
57	Triệu Văn Tuấn			0,14			0,07								2 100 000	
58	Triệu Tiên Vân			0,22			0								2 200 000	
59	Triệu Tiên Thuận			0,22			0								2 200 000	
60	Triệu Văn Hưng			0,08			0								800 000	
61	Đặng Văn Tiến			0,18			0,07								2 500 000	
62	Triệu Tài Kim			0,09			0								900 000	
63	Lý Thị Thu			0,18			0								1 800 000	
64	Lý Tài Tiên			0,04			0,07								1 100 000	
65	Lý Tài Chương			0,18			0								1 800 000	
66	Phan Văn Quân			0,14			0								1 400 000	
67	Triệu Sinh Văn			0,07			0								700 000	
68	Triệu Tài Hối			0,22			0								2 200 000	
69	Triệu Thị Hoa			0,07			0								700 000	
70	Triệu Tài Thanh			0,29			0								2 900 000	
71	Nguyễn Văn Thơ			0,36			0,36								7 200 000	
72	Đặng Đức Lý			0,14			0								1 400 000	
73	Triệu Khánh Ly			0,11			0								1 100 000	
74	Triệu Nho Bình			0,22			0,07								2 900 000	
75	Triệu Đức Hưng			0,47			0,10								5 700 000	
76	Đặng Đức Thái			0,07			0,07								1 400 000	
77	Đặng Đức Lâm			0,17			0,05								2 200 000	

TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (6.000,000 đ/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(8.000,000đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(10.000,000 đ/ha)	Diện tích mạ (30.000,000 đ/ha)	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(6.000,000 đ/ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(15.000,000đ /ha)	Giai đoạn cấn thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)(3.000,000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày(3.000,000đ/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(4.000,000 đ/ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày(5.000,0 000đ/ha)	Diện tích mạ(15.000,000đ/ha)	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)(3.000,000 đ/ha)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)(7.500,000đ/ha)
78	Trệu Hồng Thi	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	700 000	
79	Đặng Đức Thanh			0,18											1 800 000	
80	Dương Văn Liên			0,32											3 200 000	
81	Trệu Tiên Chung			0,11											1 100 000	
82	Dương Văn Lưu			0,14											1 400 000	
83	Dương Văn Hải			0,04											400 000	
84	Trệu Tài Trường			0,04											400 000	
85	Hà Đức Mạnh			0,25											2 500 000	
86	Trệu Thi Thanh			0,07											700 000	
87	Bản Văn Tiên			0,32											3 200 000	
88	Trệu Nho Báo			0,25											2 950 000	
89	Đoàn Quốc Hương			0,07											700 000	
90	Nông Văn Hồng			0,16											1 600 000	
91	Phạm Năng Bảy			0,22											2 800 000	
92	Lý Văn Tiên			0,14											1 400 000	
93	Lý Văn Đại			0,09											1 950 000	
94	Đặng Đức Phương			0,14											1 400 000	
95	Nông Văn Nhu			0,27											4 200 000	
96	Lý Văn Duyên			0,07											700 000	
97	Trệu Văn Chiến			0,07											1 750 000	
98	Đặng Đức Tài			0,18											1 800 000	
99	Trệu Văn Đức			0,22											2 200 000	
100	Lê Văn Tiên			0,36											3 600 000	
101	Lý Thị Hải			0,24											7 200 000	
102	Đặng Đức sinh			0,07											700 000	
103	Đoàn Quốc Thơm			0,14											1 400 000	
104	Trệu Tài Báo			0,18											1 800 000	

T. THAI NONG

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa		Diện tích mạ (d/ha)	Cây hàng năm khác		Diện tích lúa		Cây hàng năm khác		Diện tích mạ (d/ha)	Cây hàng năm khác				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày (d/ha)	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày(ha)		Sau gieo trồng trên 45 ngày(d/ha)	ha	ha	ha	ha	ha		ha	ha	ha	ha	ha
105	Dương Sỹ Khai			0,14	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 400 000	
106	Triệu Văn Thuyết			0,14	ha										1 400 000	
107	Triệu Văn Minh			0,21	ha										2 100 000	
108	Triệu Tài Phương			0,22	ha										2 200 000	
109	Triệu Nho Tiếp			0,14	ha										1 400 000	
110	Triệu Tiến Thăng													0,07	1 050 000	
Tổng cộng																

Signature

BIỂU ĐỀ XUẤT TỔNG HỢP
Diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai gây ra ngày 7 tháng 10 năm 2025
XOM ĐÔNG QUẬN



TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác						
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời)
Tổng cộng		ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	339.390.800	
1	Hoàng Thị Chung			0,04												360.000	
2	Âu Văn Cứu			0,67												6.700.000	
3	Lê Thị Hiền			0,25												2.482.000	
4	Trần Văn Tai			0,22												2.200.000	
5	Trần Ngọc Cương			0,16												1.583.000	
6	Trần Văn Cư			0,04												377.000	
7	Trần Văn Sắt			0,20												1.997.000	
8	Trần Văn Tường			0,17												1.709.000	
9	Đàm Văn Độ			0,38												3.752.000	
10	Trần Văn Kỳ			0,24												2.425.000	
11	Đàm Văn Mão			0,28												2.798.000	
12	Hoàng Văn Sơn			0,37												3.654.000	
13	Âu Văn Quý			0,40												3.999.000	
14	Đàm Văn Mười			0,17												1.650.000	
15	Đỗ Văn Thịnh			0,19												1.886.000	
16	Trần Văn Quân			0,22												2.160.000	
17	Đàm Văn Cả			0,11												1.062.000	
18	Đàm Văn Hành			0,10												1.005.000	
19	Đàm Văn Tinh			0,12												1.241.000	
20	Đàm Văn Toán			0,20												5.171.000	
21	Đàm Văn Vui			0,13												1.281.000	

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền(đ)	Ghi chú
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)		
22	Trần Thị Thương	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	13 704 000	
23	Đàm Văn Bộ			0,09										894 000	
24	Đàm Văn Mùng			0,11										1 149 000	
25	Đàm Văn Kế (Thư)			0,24										2 395 000	
26	Đàm Văn Ước			0,54										5 405 000	
27	Đàm Văn Yêu			0,26										2 622 400	
28	Đàm Văn Thọ			0,25										2 522 000	
29	Đàm Văn Sử			0,61										6 069 000	
30	Đàm Đức Văn			0,17										1 689 000	
31	Trần Văn Ứng			0,53										5 335 000	
32	Đàm Văn Chin			0,15										1 548 000	
33	Ninh Thị Long			0,17										1 700 000	
34	Đàm Văn Nhất			0,17										1 730 000	
35	Lý Văn Chấn			0,15										1 483 000	
36	Đàm Văn Nga			0,35										3 532 000	
37	Đàm Văn Thắng			0,16										1 559 000	
38	Đàm Văn Keng			0,17										1 650 000	
39	Âu Thị Sân			0,60										6 020 000	
40	Đàm Thị Định			0,18										1 828 000	
41	Đàm Văn Tin			0,29										2 940 000	
42	Lê Thị Loan			0,13										1 345 000	
43	Dương Văn Long			0,29										2 880 000	
44	Đỗ Đức Giang			0,61										6 080 000	
45	Hoàng Văn Thiệp			0,38										3 787 000	
46	Đàm Văn Cảnh			0,38										3 789 000	

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian trưởng)
47	Đàm Văn Vỹ	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	1 240 000	
48	Hoàng Thị Nhung			0,22											2 210 000	
49	Trần Văn Ngân			0,16											1 589 000	
50	Dương Thị Ngo			0,11											1 116 400	
51	Dương Văn Vinh			0,24											2 400 000	
52	Đỗ Văn Tiêu			0,17											1 700 000	
53	Đàm Văn Diên			0,37											3 719 000	
54	Đỗ Văn Quân			0,10											1 000 000	
55	Lưu Văn Quang			0,42											4 162 000	
56	Trần Văn Thịnh			0,36											3 630 000	
57	Đàm Văn Phương			0,32											3 200 000	
58	Trần Văn Báo			0,22											2 160 000	
59	Trần Ngọc An			0,42											4 166 000	
60	Âu Văn Hạnh			0,12											1 232 000	
61	Hoàng Văn Tất			0,42											4 227 000	
62	Đàm Văn Bang			0,24											2 440 000	
63	Đàm Văn Chân			0,29											2 882 000	
64	Đàm Văn Sắc			0,21											2 148 000	
65	Trần Văn Quân			0,22											2 160 000	
66	Đàm Văn Thọ			0,50											5 039 000	
67	Đàm Thị Nàng			0,46											4 575 000	
68	Âu Văn Long			0,29											2 880 000	
69	Vũ Quang Mậu			0,15											1 475 000	
70	Dịch Văn Chiến			0,07											720 000	
71	Ninh Thị Cấp			0,10											1 000 000	

TT	Họ và tên	Thiết hại trên 70% diện tích						Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú	
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)
72	Đàm Văn Đài	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 790 000	
73	Đàm Văn Thiết			0,16											1 608 000	
74	Đàm Văn Nông			0,30											2 950 000	
75	Hoàng Văn Thạch			0,29											2 880 000	
76	Âu Thị Thôi			0,67											6 732 000	
77	Trần Thị Nghin			0,16											1 610 000	
78	Đàm Văn Đình			0,74											7 443 000	
79	Dương Văn Tường			0,26											2 626 000	
80	Dương Văn Hàn			0,09											902 000	
81	Dương Văn Thủy			0,30											2 971 000	
82	Đàm Văn Bàn			0,33											3 273 000	
83	Đàm Văn Minh			0,16											1 638 000	
84	Trần Văn Căn			0,12											1 236 000	
85	Đàm Văn Tân			0,06											613 000	
86	Trần Văn Thành			0,06											630 000	
87	Đỗ Văn Nhất			0,18											1 760 000	
88	Trần Thị Mạn			0,59											7 960 000	
89	Đàm Văn Long			0,12											1 246 000	
90	Đàm Thị Danh			0,17											1 667 000	
91	Vì Thị Ninh			0,16											1 620 000	
92	Âu Văn Sơn			0,02											203 000	
93	Trần Văn Nghĩa			0,18											1 800 000	
94	Trần Văn Cư			0,20											1 970 000	
95	Trần Thị Môn			0,18											1 800 000	
96	Hoàng Văn Quỳnh			0,33											3 301 000	

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích						Thành Tiền (đ)	Ghi chú		
		Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Diện tích mạ	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh)			Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian trưởng)
97	Hoàng Anh Tuấn	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 313 000	
98	Hoàng Văn Duyên			0,23												3 341 000	
99	Ninh Văn Thành			0,32												3 200 000	
100	Âu Văn Vĩnh			0,08												750 000	
101	Lưu Văn Nghiệp			0,30												2 950 000	
102	Trần Văn Lai			0,14												1 433 000	
103	Trần Văn Hào			0,11												1 088 000	
104	Địch Văn Tích			0,27												2 729 000	
105	Trần Văn Nhất			0,36												3 618 000	
106	Đàm Văn Nhân			0,21												2 090 000	
107	Đàm Văn Thực (Chức)			0,11												1 080 000	
108	Địch Văn Là			0,26												2 623 000	
109	Đàm Văn Nhân			0,26												2 602 000	
110	Âu Văn Quyết			0,07												720 000	
111	Đàm Văn Lành			0,07												720 000	
112	Âu Văn Cười			0,16												1 608 000	
113	Hoàng Quốc Strong			0,39												3 902 000	
114	Đàm Văn Sỹ			0,75												7 475 000	
115	Đàm Văn Bắc			0,25												2 530 000	
116	Trần Văn Thùng			0,27												2 670 000	
117	Trần Văn Vạn			0,45												4 477 000	
118	Âu Văn Tụ			0,18												1 832 000	
119	Phạm Văn Viên			0,32												3 170 000	
120	Phạm Văn Đông			0,23												2 256 000	
121	Vũ Anh Tuấn			0,03												274 000	

TT	Họ và tên	Thiệt hại trên 70% diện tích			Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích			Thành Tiền (đ)	Ghi chú
		Diện tích lúa			Diện tích lúa				
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		
		ha	ha	ha	ha	ha	ha		
		Cây hàng năm khác			Cây hàng năm khác				
		Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây con (giáo trồng đến 1/3 thời gian sinh	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời		
122	Địch Văn Âm	ha	ha	ha	ha	ha	ha	2 615 000	
123	Trần Văn Vệ		0,22					2 160 000	
124	Đàm Thị Thư		0,14					1 350 000	
125	Phạm Văn Thương		0,32					3 240 000	
126	Phạm Văn Quảng		0,16					1 600 000	
127	Phạm Thị Chin		0,40					4 000 000	
128	Phạm Thanh Bình		0,35					3 528 000	
Tổng cộng									

